



## H⊂ C ANH NG⊂ TRÊN ĐÀI VOA

Đ⊂ nghe bài h⊂ c, xin [B⊂ M V&Agrave;O Đ&Aacute;Y](#)

Đây là Ch⊂ ng Trình Anh Ng⊂ Sinh Đ⊂ ng New Dynamic English bài 132. Ph⊂ m V⊂ n xin kính chào quý v⊂ thính gi⊂ . Bài h⊂ c b⊂ t đ⊂ u b⊂ ng ph⊂ n daily dialog—đàm tho⊂ i hàng ngày—trong đó quý v⊂ nghe l⊂ i câu chuy⊂ n m⊂ t bà t⊂ ng mình b⊂ m⊂ t tr⊂ m xe h⊂ i Lot=khu đ⊂ t. Parking lot=bãi đ⊂ u xe. Officer=ti⊂ ng ta dùng khi g⊂ i m⊂ t nhân viên c⊂ nh sát. My car was stolen! My car was gone!=xe tôi m⊂ t r⊂ i! Oops=ti⊂ ng th⊂ t lên nh⊂ “úi cha, ch⊂ t cha” khi mình ng⊂ c nhiên, hay nh⊂ m l⊂ n, và ng⊂ ý xin l⊂ i, nh⊂ khi ta đánh v⊂ m⊂ t món đ⊂ . Té ra là bà đ⊂ u xe ⊂ bãi A, đ⊂ ng tr⊂ c nhà băng, và khi ra kh⊂ i nhà băng, bà l⊂ i tìm xe ⊂ bãi B, đ⊂ ng sau nhà băng, và kêu v⊂ i c⊂ nh sát là b⊂ m⊂ t tr⊂ m xe. Xin nghe tr⊂ c, sau đó nghe và l⊂ p l⊂ i. Ôn l⊂ i: to steal/stole/stolen.= ăn c⊂ p, ăn tr⊂ m.

Cut 1

Daily Dialogue: In the Parking Lot (Part 3)

Larry: Daily Dialogue: In the Parking Lot (Part 3)

Larry: Listen to the conversation.

The woman parked her car in Parking Lot A, in front of the bank.

Nancy: Excuse me, officer, but.. but... someone stole my car!

(short pause)

Policeman: Someone stole your car?

(short pause)

Nancy: Yes, they stole it! They stole my car!

(short pause)

Policeman: Where was it? Where was your car?

(short pause)

Nancy: It was right here, in this parking lot.

(short pause)

Policeman: OK. Tell me what happened.

(short pause)

Nancy: I parked my car here, next to a green car, and I went into the bank.

(short pause)

Nancy: And when I came out, my car was gone!

(short pause)

Policeman: Where is the green car?

(short pause)

Nancy: It's gone too!

(short pause)

Policeman: Tell me again... Where did you park your car?

(short pause)

Nancy: Here in Parking Lot A, right in front of the bank.

(short pause)

Policeman: Parking Lot A? This is Parking Lot B, behind the bank.

(short pause)

Nancy: Oops.

(short pause)

Larry: Listen and repeat.

Policeman: Tell me again... Where did you park your car?

(pause for repeat)

Nancy: Here in Parking Lot A, right in front of the bank.

(pause for repeat)

Policeman: Parking Lot A? This is Parking Lot B, behind the bank.

(pause for repeat)

Nancy: Ooops.

(pause for repeat)

MUSIC

Vietnamese Explanation

Trong ph␣ n t␣ i, Question of the Week, câu đ␣ hàng tu␣ n, quý v␣ nghe r␣ i đ␣n xem và tr␣ l␣ i câu h␣ i, “What can’t you buy at these places?” B␣ n không th␣ mua đ␣ c gì ␣ n␣ i này? Newsstand=quán hay s␣ p bán báo. Fast food restaurants.=ti␣ m bán đ␣ ăn li␣ n. McDonald’s is a chain of fast food restaurants.=McDonald’s là m␣ t t␣ h␣ p các ti␣ m bán đ␣ ăn li␣ n. Phân bi␣ t khi đ␣ c can, khi không nh␣ n m␣ nh, thì trong ch␣ can, âm /a/ đ␣ c nh␣ âm ␣ trong ti␣ ng Vi␣ t; và khi đ␣ c can’t, âm /a/ đ␣ c nh␣ e. Hãy nghe và phân bi␣ t hai câu: I can do it/I can’t do it.

Cut 2

Question of the Week (question): What can’t you buy?

Larry: Question of the Week!

The Question of the Week is “What can’t you buy?”

UPBEAT MUSIC

Max: It’s Question of the Week time again.

This week’s question is “What can’t you buy?”

Kathy: Can’t?

Max: That’s right. Cannot. What can’t you buy at these places?

We’ll have the answers next week.

Question number one: What can't you buy at a fast food restaurant: hamburgers, stamps or French fries?

Hamburgers, stamps or French fries?

Question number two: What can't you buy at a post office: stamps, envelopes or shirts?

Stamps, envelopes or shirts?

Question number three: What can't you buy at a clothing store: shirts, French fries or dresses?

Shirts, French fries or dresses?

See you next time.

MUSIC

NDE Closing

Larry: A Question for You

Max: Now here's a question for you.

Larry: Listen for the bell, then say your answer.

Max: How many hospitals are there in your city?

(ding)

(pause for answer)

Max: Uh huh.

MUSIC

Vietnamese Explanation

Trong phần Câu Chuyện Giũa Bài, Story Interlude, quý vị nghe một đoạn trong đó Elizabeth tả xe hỏng của cô, không chạy. I had car trouble=xe tôi bị hỏng. What was the matter? Tôi hỏi sao vậy? Start=chạy. Yesterday, my car was fine.=hôm qua xe tôi chạy tốt. This morning it wouldn't start.=sáng nay, xe của tôi không nổ máy. Make noise=gây ra tiếng động. This doesn't sound good=có vẻ không tốt, chắc có gì hỏng. Local garage=tiệm sửa xe gần nhà. Garage.=nhà chứa xe, tiệm sửa chữa xe. Nghe kỹ cách phát âm gaRAGE. To tow=câu xe. They towed my car this morning.=họ câu xe của tôi sáng nay. My car broke down. I need a towtruck. =xe tôi bị hỏng. Tôi cần một chiếc xe câu, xe có cần trục. They're working on it.=họ đang sửa chữa xe của tôi. Boris drove

me to work.=Boris lái xe đ a tôi đi làm. To drive/drove/driven.=lái xe. I hope the repairs aren't too expensive.=tôi hy v ng vi c s a ch a không t n quá. Xin nghe.

### Cut 3

Story Interlude: Car Trouble

Larry: OK... and we're off the air.

Max: So how was the movie last night, Kathy?

Kathy: It was great!

I can't wait to see it again.

Eliz: (off mike) Goodbye, Boris. See you tonight.

SFX: Elizabeth entering

Eliz: (sighs) Hi, everyone.

Max & Kathy (overlapping): Hi. Hi, Elizabeth.

Kathy: Did Boris drive you to work today?

Eliz: Yes, I had car trouble.

Kathy: Oh, that's too bad. What was the matter?

Eliz: I'm not sure.

Yesterday, my car was fine.

But this morning, it wouldn't start.

Max: Did it make any noise at all?

Eliz: Yes, it did.

It went (deep voice) "Rrrrrrrr..... rrrrrrrr..... rrrrrrrr....."

And then nothing.

Max: Hmmm. That doesn't sound good.

Eliz: Anyway, I called my local garage.

They towed my car this morning, and they're working on it.

So Boris drove me to work.

Max: Well, I hope the repairs aren't too expensive.

Eliz: Oh, excuse me. It's time to start my show.

Larry: Ready for Functioning in Business. Cue Music...

### Vietnamese Explanation

Đo n t i là ph n Functioning in Business, Anh Ng Th ng M i Trung C p, v t p t c và môi tr ng kinh doanh M . Đo n A New Customer, part 3, Thân ch m i, ph n 3, t cô Silverstone làm ti p viên đ i n tho i c a công ty xe h i Federal Motors. Offers= i đ ngh , l i t ý mu n giúp. Requests= i yêu c u ai làm gì. Expect=mong đ i. We expected you yesterday.=hôm qua chúng tôi ch b n [mà b n không đ n.] Mr. Blake arrived at our office expecting to meet with Mr. Chapman, but Mr. Chapman was out of town . = Ông Blake t i v n phòng chúng tôi ch g p ông Chapman, nh ng Ông Chapman đi v ng. Out of town.= đi v ng kh i thành ph . Uh, but there's Mr. Gomez who can come talk to you=À, nh ng có Ông Gomez có th ti p chuy n Ông. Nh n xét: "Come talk to you"—khi nói, có th b "to" sau "come" [come to talk to you=> come talk to you; t ng t : Go get it! Hãy đi l y cái đó! Come see him! Come say hello to him! Hãy l i chào ông ta.]

Cut 4

FIB Opening

FIB MUSIC lead in and then background

Eliz: Hello, I'm Elizabeth Moore. Welcome to Functioning in Business!

MUSIC swells and fades

Larry: Functioning in Business is an intermediate level business English course with a focus on American business practices and culture.

Today's unit is "A New Customer, Part 3."

This program focuses on Offers and Requests.

## MUSIC

Interview: Receptionist at Federal Motors

Larry: Interview

a receptionist: tiếp viên phụ trách điện thoại và đón khách

an administrative assistant: phụ tá hành chính

Eliz: Today, we're talking to Ms. Sylvia Silverstone of Federal Motors.

Ms. Silverstone was the receptionist who greeted Mr. Blake on his first visit to Federal Motors.

SFX: Phone beep

Eliz: Hello, Ms. Silverstone.

Sil: Hello.

Eliz: Today, we are listening to a conversation you had with Mr. Charles Blake of International Robotics in June of last year.

Sil: Oh, yes. I remember.

Mr. Blake arrived at our office expecting to meet with Mr. Chapman.

Eliz: Let's listen to that conversation.

## MUSIC

### Vietnamese Explanation

Trong phần đàm thoại sắp tới, ta nghe cô Silverstone chào ông Blake là người có hẹn gặp ông Chapman, nhưng ông Chapman đi vắng khi thành phố. Mr. Blake has an appointment with Mr. Chapman, but Mr. Chapman is out of town. Town.=thị trấn, tỉnh thành. Out of town.= đi vắng khi thành phố. Townspeople.= dân thị thành. Can I have your name please? Xin ông cho biết quý danh. The name is Blake, Charles Blake of International Robotics.=Tên tôi là Blake, Charles Blake thuộc hãng chế tạo người máy điện tử International Robotics. There's a Mr. Blake here to

see Mr Chapman.=có ông Blake t i đây mu n g p ông Chapman. Would you take a chair and wait for a moment? Xin m i ông ng i ch m t lúc.

Cut 5

Dialog: FIB Dialog, Blake at Federal Motors

Larry: Dialog

Larry: Mr. Blake has an appointment to see Mr. Chapman, but Mr. Chapman is out of town.

Mr. Blake has an appointment to see Mr. Chapman, but Mr. Chapman is out of town.

Sil: Good morning, sir. Can I help you?

Blake: Yes. I have an appointment to see Mr. Chapman, Stewart Chapman, at ten thirty.

Sil: Oh, Mr. Chapman. Can I have your name please?

Blake: Yes. The name is Blake, Charles Blake of International Robotics.

Sil: All right, thank you. Just a moment please.

(pause)

Yes, there's a Mr. Blake here to see Mr. Chapman.

Oh, I see, thank you.

(pause)

Uh, Mr. Blake. I'm sorry. Mr. Chapman is not here today.

Blake: Uh huh...

Sil: Uh, but there's a Mr. Gomez who can come talk to you.

Would you take a chair and wait for a moment?

Blake: Okay, sure. Thank you.

Sil: Thank you.



## MUSIC

### Vietnamese Explanation

Quý vị vừa đã học xong bài 132 trong Chương Trình Anh Ngữ Sinh Động New Dynamic English. Phạm Văn xin kính chào quý vị thính giả và xin hẹn gặp lại trong bài học tiếp.